

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOÀNG HIỀN**  
**CÔNG BÀN IDUNG NG K THÀNH L P M I**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOÀNG HIỀN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOANG HIEN ONE MEMBER COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: CTY TNHH MTV HOÀNG HIỀN

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3703052092

**3. Ngày thành lập:** 14/04/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 49, Đường số 12, Khu dân cư Hiệp Thành 1, Phường Hiệp Thành, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0343429890

Fax:

Email: [hoanghien.mtv@gmail.com](mailto:hoanghien.mtv@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                   | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                       | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                              | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                              | 4330     |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                         | 4390     |
| 5.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự                                                   | 4649     |
| 6.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng                               | 4659     |
| 7.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                     | 4663     |
| 8.  | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình                                                                                                                         | 9522     |
| 9.  | Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự                                                                                                       | 9524     |
| 10. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất, thiết kế nội thất.                                                                | 7410     |
| 11. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng lưu động hoặc tại chợ | 4784     |
| 12. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>Chi tiết: Trữ kinh doanh kho bãi                                                                                             | 5210     |
| 13. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                            | 5224     |
| 14. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                      | 3314     |
| 15. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                           | 4101     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                   |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 16. | Xây dựng nhà không để ở<br>Chi tiết: Xây dựng nhà xưởng và nhà không để ở...                                                                                                                                                      | 4102(Chính) |
| 17. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                     | 4211        |
| 18. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                      | 4212        |
| 19. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                          | 4221        |
| 20. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                               | 4222        |
| 21. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                | 4223        |
| 22. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                 | 4229        |
| 23. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                          | 4291        |
| 24. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                                   | 4292        |
| 25. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                             | 4293        |
| 26. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                        | 4299        |
| 27. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                            | 4311        |
| 28. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                 | 4312        |
| 29. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                             | 4321        |
| 30. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752        |
| 31. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất trưng tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                           | 4759        |

**6. V n i u l :** 10.000.000.000 VNĐ

**7. Th ng tin v ch s h u:**

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:

**8. Ng i i di n theo pháp lu t:**

\* Họ và tên: PHẠM MỸ CHÂU

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Chủ tịch công ty kiêm giám đốc*

Sinh ngày: 1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 385557152

Ngày cấp: 30/09/2016

Nơi cấp: Công an tỉnh Bạc Liêu

Địa chỉ thường trú: *Ấp 05, Xã Phong Tân, Thị xã Giá Rai, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Ấp 05, Xã Phong Tân, Thị xã Giá Rai, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam*

**9. N i      n g k    :** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương